

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 22/3/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phúc Ân.

2. Ông Đới Văn Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Kim A, sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT: thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Ngô Gia H, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: số nhà 7A, ngõ 5, đường Y, khu dân cư T 3, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn là chị Vũ Thị Kim A trình bày: chị và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/3/2013 tại UBND phường S, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương. Sau khi cưới, vợ chồng thuê nhà ở thị trấn L, huyện C sinh sống một thời gian rồi chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã

T, huyện B. Quá trình chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H mãi chơi, không chịu khó lao động để tạo dựng kinh tế gia đình. Khi con bị ốm, bố mẹ chị có đưa tiền và xe cho anh H để đưa mẹ con chị đi bệnh viện nhưng anh H đã cầm cố xe và lấy tiền tiêu sài hết. Sau sự việc đó thì anh H không quay về chung sống với chị nữa. Vợ chồng sống ly thân từ đó, không quan tâm đến nhau. Trong thời gian này, anh H phạm tội và phải chấp hành án tại trại giam T, tỉnh Thanh Hóa. Chị có thăm gặp anh H và nói về việc ly hôn nhưng anh H bảo chị đợi anh H chấp hành án xong rồi giải quyết. Hiện nay anh H đã chấp hành án xong nhưng không hợp tác để giải quyết, gây khó khăn cho chị. Nay chị xác định thời gian ly thân đã lâu, không còn tình cảm nên chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có 1 con chung là Ngô Ái P, sinh ngày 24/6/2014. Hiện cháu P đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho anh H. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của BLTTDS, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được và tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn là anh Ngô Gia H. Tuy nhiên anh H không đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A.

Trong thời gian chuẩn bị mở phiên tòa, anh H có bản tự khai ngày 5/3/2021 thể hiện đã nhận được các giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhưng do công việc bận nên không đến phiên tòa được. Anh xác định vợ chồng không có tiếng nói chung, sống ly thân đã từ lâu nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A. Anh và chị A có 1 con chung và anh cũng nhất trí giao con chung cho chị Kim A nuôi dưỡng và không yêu cầu xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Bà Hoàng Thị B là mẹ đẻ của anh H xác định: trong quá trình sinh sống, giữa chị A và anh H có mâu thuẫn. Sau khi sinh con được 2 tháng thì anh H chuyển về nhà bà sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tháng 8 năm 2020, anh H chấp hành án xong nhưng về ở cùng gia đình bà, vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Anh chị có 1 con chung và cháu đang ở với chị A. Ngoài ra, vợ chồng cũng không có tài sản chung gì.

Đại diện chính quyền khu dân cư T 3, phường S xác định sau khi vợ chồng anh H chị A kết hôn thì không sinh sống ở khu dân cư mà thuê nhà ở nơi khác sinh sống và làm kinh tế. Cuối năm 2014, anh H có về sống cùng gia đình mình

nhưng chị A không về cùng. Sau khi bị kết án và chấp hành án xong thì tháng 8 năm 2020 anh H về địa phương nhưng ít khi có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, các đương sự đều không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Kim A được ly hôn anh Ngô Gia H.

Về con chung: Giao con chung là Ngô Ái P, sinh ngày 24/6/2014 cho chị A nuôi dưỡng, kể từ tháng 3 năm 2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị A về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Vũ Thị Kim A khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Ngô Gia H có địa chỉ thường trú tại phường S, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị Kim A và anh Ngô Gia H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 20/3/2013 tại UBND phường S, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, giữa anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh H mãi chơi không chịu khó làm kinh tế xây dựng gia đình. Khoảng tháng 8 năm 2014, anh H về sinh sống tại gia đình mình ở thành phố C, còn chị A ở xã T, huyện B. Sau đó anh H phải chấp hành án tại trại giam đến tháng 8 năm 2020. Sau khi chấp hành án xong, anh H về nhà mình sinh sống. Như vậy quá trình thực tế anh chị chung sống của anh chị ngắn, thời gian ly thân từ tháng 8 năm 2014 đến nay kéo dài, không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau. Chị A cũng không có ý định quay về chung sống với anh H và xin ly hôn. Anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí yêu cầu xin ly hôn của chị A. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 1 con chung là Ngô Ái P, sinh ngày 24/6/2014. Cháu P ở với chị A từ nhỏ và được đảm bảo đầy đủ về vật chất, tinh thần. Khi ly hôn chị A có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Anh H cũng nhất trí với quan điểm này của chị A nên cần chấp nhận yêu cầu của chị A để giao cháu P cho chị nuôi dưỡng từ tháng 3 năm 2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc chị A không yêu cầu anh H cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị A không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị A là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị Kim A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Kim A được ly hôn anh Ngô Gia H.

2. Về con chung: Giao con chung là Ngô Ái P, sinh ngày 24/6/2014 cho chị Vũ Thị Kim A tiếp tục nuôi dưỡng, kể từ tháng 3 năm 2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị A về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006625 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị A đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường S, TP C;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà